**PHIẾU XÁC ĐỊNH NỘI HÀM, PHÂN TÍCH TIÊU CHÍ VÀ**

**TÌM MINH CHỨNG TIÊU CHÍ THUỘC MỨC 1, 2 VÀ 3**

Nhóm công tác: A

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục trẻ

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.

Mức 1:

1. Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.
2. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định.
3. Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phú hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

1. Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.
2. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường học được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.
3. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **5.3** | **Phân tích tiêu chí** | | **Minh chứng** | | **Ghi chú** |
| Nội hàm | Các câu hỏi đặt ra (ứng với mỗi nội hàm) | Cần thu thập | Nơi thu thập |  |
| **Mức 1** |  |  |  |  |  |
| Chỉ báo a | Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ. | -Nhà trường có phối hợp với cơ sở y tế địa phương hay không?  -Các biện pháp phối hợp ra sao?  -Công tác tổ chức như thế nào?  -Thời gian thực hiện, tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe?  -Có khả thi hay không?  -Kết quả đạt được ra sao? | -Kế hoạch tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ (có sự phối hợp y tế địa phương, phân công, thời gian thực hiện, kinh phí, kết quả, nhận định đánh giá kết quả….)  -Công văn đề nghị y tế địa phương phối hợp chăm sóc sức khỏe cho trẻ. | - Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng  – Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| Chỉ báo b | 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. | -Có bao nhiêu trẻ được kiểm tra sức khỏe, cân đo chiều cao, cân nặng theo quy định?  -Số trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng?  -Mức kinh phí tổ chức cho công tác khám sức khỏe cho trẻ? | -Bảng tổng hợp và thông báo kết quả cân đo đầu năm.  -Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ  -Hình ảnh tổ chức khám sức khỏe.  -Bảng quyết toán kinh phí khám sức khỏe. | - Nhân viên y tế  - Kế toán | Phòng y tế |
| Chỉ báo c | Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp  Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học. | -Có bao nhiêu phần trăm trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp?  -Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện ra sao, có khả thi hay không? | -Kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ ngay thời điểm HKI, HKII so với đầu năm học (của từng trẻ, của toàn trường)  -Bảng tổng hợp và thông báo kết quả cân đo đầu năm. | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| **Mức 2** |  |  |  |  |  |
| Chỉ báo a | Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ. | -Nhà trường có kế hoạch truyền thông hay không?  -Nội dung truyền thông của đơn vị?  -Số lượng phụ huynh tham gia?  -Chi phí tổ chức cho công tác truyền thông? | -Kế hoạch truyền thông.  -Hình ảnh phụ huynh tham dự truyền thông tư vấn.  -Nội dung truyền thông.  -Danh sách phụ huynh tham dự.  -Bảng quyết toán kinh phí tổ chức truyền thông. | - Hiệu trưởng  - Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng – nhân viên y tế  - Kế toán | Phòng y tế |
| Chỉ báo b | Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường học được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định  -Chế độ ăn khẩu phần phù hợp độ tuổi: nhà trẻ, mẫu giáo  -Số bữa ăn ( chính, phụ)  -Năng lượng phân phối từng bữa chính, phụ  + Năng lượng theo cơ cấu  -Nước uống (1,6-2l/ trẻ/ngày)  - Thực đơn theo ngày, theo tuần, theo mùa | -Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ không?  -Khẩu phần dinh dưỡng có cân đối hợp lý không?  -Có phối hợp thực đơn theo mùa không?  -Nước uống cho trẻ có đảm bảo đầy đủ và an toàn vệ sinh không?  -Trẻ được ăn bao nhiêu bữa trong ngày?  -Năng lượng, cơ cấu từng bữa ăn ra sao? | -Phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày, hằng tuần  -Sổ thực đơn  -Sổ theo dõi bán trú ( 16 loại sổ)  -Hợp đồng cung cấp thực phẩm, nước uống  -Hóa đơn  -Bảng công khai thực đơn, khẩu phần  -Phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng hằng ngày, hằng tuần | * Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng   – Kế toán | Phòng Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng  Phòng hành chính quản trị |
| Chỉ báo c | -100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.  -Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học | -Dựa vào đâu để đánh giá kết quả trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì so với đầu năm học?  -Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện ra sao, có khả thi hay không? | -Kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ ngay thời điểm HKI, HKII so với đầu năm học (của từng trẻ, của toàn trường)  -Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường. | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
| **Mức 3** |  |  |  |  |  |
| . | Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường | -Có bao nhiêu trẻ trong nhà trường có kết quả cân nặng/ chiều cao đạt kết quả bình thường? | -Kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ ngay thời điểm đầu năm, HKI, HKII (của nhà trường, y tế địa phương)  -Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ.  -Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường. | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
|  |  |  |  |  |  |

*............., ngày.....tháng.....năm.....*

**Nhóm trưởngNgười viết**

*(Ký, ghi rõ họ và tên*)